

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2026

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Thu Nga

2. Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiếu

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm: 1989; HKTT: Thôn 3, xã Hồng Sơn, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ liên lạc: Tổ 7, khu phố 18, phường Bảo Vinh, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Lê Thành N, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp Xóm Rẫy, xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph trình bày:**

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lê Thành N tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2023, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 01/10/2002 (nay là UBND xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lê Thành N sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xảy ra xô xát. Bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lê Thành N đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không nín kéo hạnh phúc được nữa. Nay bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thành N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lê Thành N không có con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh Ph không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh Ph xác nhận không có nợ chung.

Đối với bị đơn ông Lê Thành N:

Theo phiếu xác minh ngày 02/12/2025 của Toà án tại công an xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả xác minh ông Lê Thành N có hộ khẩu thường trú tại ấp Xóm Rẫy, xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Lê Thành N hiện nay vẫn cư trú tại địa chỉ trên.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho ông Lê Thành N tại địa chỉ nơi cư trú nhưng ông N không có mặt theo thông báo của Tòa án, ông N cũng vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Ngoài ra ông N cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh Ph và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Thành N có nơi cư trú tại ấp Xóm Rẫy, xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Thành N đến phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lê Thành N chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là UBND xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh), hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Đối với ông N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa tuy nhiên ông N vắng mặt không có lý do, có thái độ trốn tránh, không có thiện chí hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù vẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương chứng tỏ ông N đã bỏ mặc không quan tâm gì đến quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà Ph.

Qua các chứng cứ và lời khai của các đương sự chứng tỏ mâu thuẫn gia đình giữa bà Ph và ông N là có thật và không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; như vậy yêu cầu ly hôn của bà Ph là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lê Thành N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh Ph khai nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Minh Ph phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; ông Lê Thành N không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh Ph; Xử cho bà Nguyễn Thị Minh Ph được ly hôn với ông Lê Thành N.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Lê Thành N không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh Ph phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0041237 ngày 24 tháng 11 năm 2026, tại Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh; bà Ph đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Lê Thành N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bà Nguyễn Thị Minh Ph biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Thành N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định của pháp luật, đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 14 TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- UBND xã Hồ Tràm, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền